

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08-3-2018

V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Trí.

Ông Nguyễn Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; cư trú tại ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Chu Văn D; sinh năm 1971; cư trú tại ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2017 của chị Nguyễn Thị T và quá trình tố tụng tại Tòa án chị T trình bày: Chị và anh Chu Văn D tự nguyện kết hôn vào

năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, cự cãi nhau, bản thân anh D không lo lắng cho vợ con, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thậm chí có nhiều lần xúc phạm đến chị. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Chu Văn D.

Về con chung có hai người tên Chu Thiện T, sinh năm 1993 và Chu Thiện H, sinh năm 2002. Đối với Chu Thiện T đã thành niên nên chị không yêu cầu đặt ra, riêng Chu Thiện H có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi và không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 04 tháng 01 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án anh Chu Văn D trình bày: Về thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa anh với chị Nguyễn Thị T là do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Mặc dù, anh đã cố gắng để khắc phục và hàn gắn nhưng không thành nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung có hai người nhưng chị T trình bày và anh chấp nhận theo ý kiến của chị T.

Về tài sản chung anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chu Thiện H, sinh năm 2002 là con của chị T và anh D có nguyện vọng ở cùng chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật.

Do chị Tt và anh D không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trong khi đó Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc Hiển không xác định được trường hợp của chị T và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An

hay không nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị T và anh D là vợ chồng. Chấp nhận giao con tên Chu Thiện H cho chị T nuôi, không cấp dưỡng, đối với Chu Thiện T hiện tại đã thành niên không đặt ra việc nuôi dưỡng. Về phần tài sản không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án và buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Chu Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Dục.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Chu Văn D được xác lập vào năm 1992, theo lời trình bày của chị T và anh D xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nhưng chị T và anh D không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đối với Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc Hiển cũng không xác định được trường hợp của chị T và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An hay không, xem như việc kết hôn giữa chị T và anh D thuộc trường hợp không đăng ký. Chị T và anh D không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định tại Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Do chị T và anh D không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có hai người con chung, trong đó có một người con đã thành niên và theo anh chị xác định không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng. Còn lại người con tên Chu Thiện H, sinh năm 2002 đang ở cùng chị T, phía anh D thống nhất giao cho chị T nuôi theo nguyện vọng của con. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận trong việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo sự

thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 15 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phần cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản: Chị T và anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử vắng mặt anh Chu Văn D.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Chu Văn D là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T được nuôi người con tên Chu Thiện H, sinh năm 2002 hiện đang ở cùng chị, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Đối với người con tên Chu Thiện T, sinh năm 1993 hiện đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Anh Chu Văn D có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Nguyễn Thị T.

Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013978 ngày 23/11/2017 được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải